

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2023

Số: 23/BC-ĐBCL

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN
Học kỳ II/2022 - 2023**

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị.

I. Mục đích

- Tiếp thu ý kiến, góp ý của sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong hoạt động giảng dạy.
- Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy.
- Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.

II. Quá trình thực hiện

1. Đối tượng và phạm vi đánh giá

- Đối tượng: Giảng viên (GV) cơ hữu, GV thỉnh giảng, CBQL có tham gia giảng dạy.
- Phạm vi lấy ý kiến: Tất cả sinh viên các lớp thuộc trình độ đại học, hệ chính quy.

2. Phương pháp: Khảo sát online tại trang: <http://online.hcmute.edu.vn>

3. Thời gian: HKII năm học 2022-2023 từ ngày 4/4/2023 đến ngày 31/5/2023.

4. Nội dung khảo sát: Phiếu khảo sát gồm 12 câu hỏi đóng thuộc 3 tiêu chí:

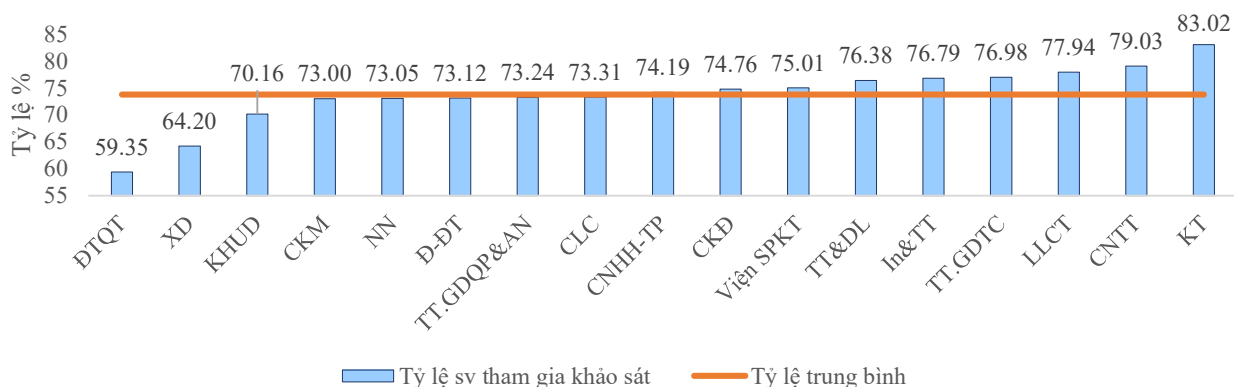
- (1) Phương pháp GD
- (2) Nội dung GD, kiểm tra, đánh giá
- (3) Tác phong sư phạm
- (4) Ngoài ra còn có 3 câu hỏi mở và 1 câu hỏi lựa chọn theo phương án có sẵn.

5. Xếp loại

Mức điểm	90÷100	80÷89	70÷79	50÷69	<49
Xếp loại	Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Cần cải tiến	Yếu
Quy định màu sắc	Xanh dương	Xanh lá	Vàng	Hồng	Đỏ

III. Kết quả thống kê

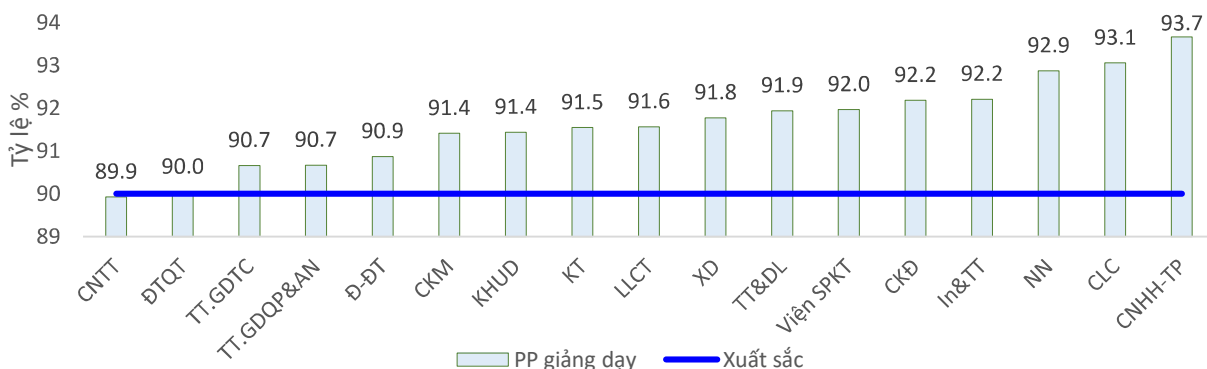
1. Tỷ lệ SV tham gia khảo sát theo Khoa/đơn vị đào tạo có học phần giảng dạy trong học kỳ II năm học 2022-2023.



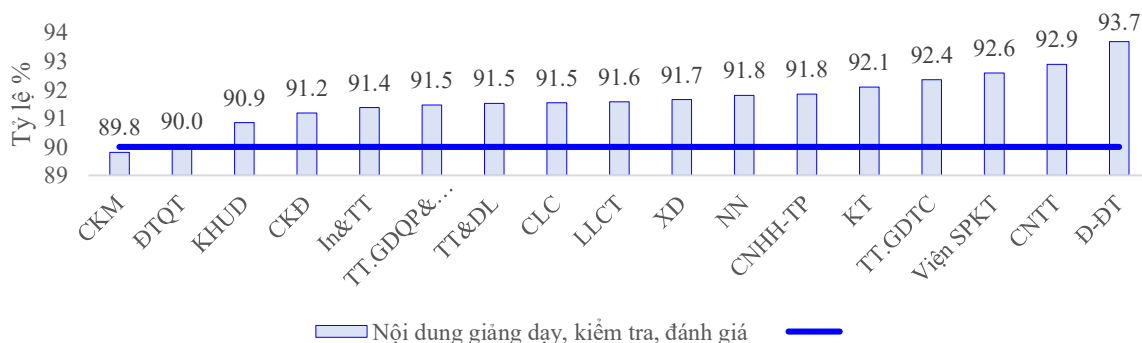
Hình 1. Tỷ lệ (%) sinh viên tham gia khảo sát theo Khoa/Đơn vị đào tạo

Theo biểu đồ thống kê ở **Hình 1** tỷ lệ trung bình tham gia khảo sát của sinh viên (SV) trong HKII năm học 2022-2023 đạt 73.74%, số lượng sinh viên tham gia khảo sát cao nhất thuộc về Khoa Kinh tế đạt 83.02%.

2. Kết quả chỉ số giảng dạy theo đơn vị



Hình 2. Chỉ số về phương pháp giảng dạy theo Khoa/Đơn vị đào tạo



Hình 3. Chỉ số về giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo Khoa/Đơn vị đào tạo

Từ biểu đồ **Hình 2** và **Hình 3** chỉ số chất lượng giảng dạy các tiêu chí của các đơn vị đều đạt trên 80%. Tuy nhiên trong HKII năm học 2022-2023 một số đơn vị có GV được đánh giá cần cải tiến ở các môn học, P.ĐBCL đã thống kê và trình bày ở **Bảng 1** bên dưới.

Bảng 1. Thống kê số lượng GV về CLGD theo đơn vị

TT	Đơn vị	Tổng số GV	Tổng số GV thỉnh giảng	Số GV xếp loại cần cải tiến		Số GV xếp loại Yếu		Số GV xếp loại CLGD từ khá trở lên nhưng vẫn có tiêu chí, môn học < 69	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1.	XD	76	26	4	5,26	-	-	4	5,26
2.	CKM	95	16	3	3,16	-	-	6	6,32
3.	CKĐ	48	6	1	2,08	-	-	3	6,25
4.	In&TT	22	11	1	4,55	-	-	1	4,54
5.	CNTT	32	10	-	-	-	-	1	3,13
6.	ĐTCLC	589	117	-	-	-	-	7	1,19
7.	ĐTQT	173	15	-	-	-	-	-	-
8.	TT-DL	29	8	-	-	-	-	-	-
9.	KT	75	32	-	-	-	-	-	-
10.	KHUD	70	29	-	-	-	-	-	-
11.	Đ-ĐT	93	10	-	-	-	-	-	-
12.	CT&Luật	28	10	-	-	-	-	-	-
13.	CNHH&TP	50	20	-	-	-	-	-	-
14.	NN	43	2	-	-	-	-	-	-
15.	V.SPKT	17	0	-	-	-	-	-	-
16.	TT.GDTC	19	8	-	-	-	-	-	-
17.	TT.GDQP&AN	26	22	-	-	-	-	-	-
Toàn trường		1.485	342	9	0,61	-	-	-	-

Theo **Bảng 1** ở học kỳ này số lượng GV có xếp loại “cần cải tiến” tăng so với học kỳ 1, P.ĐBCL đã thực hiện thống kê cho các đơn vị trong toàn trường qua 3 năm gần nhất

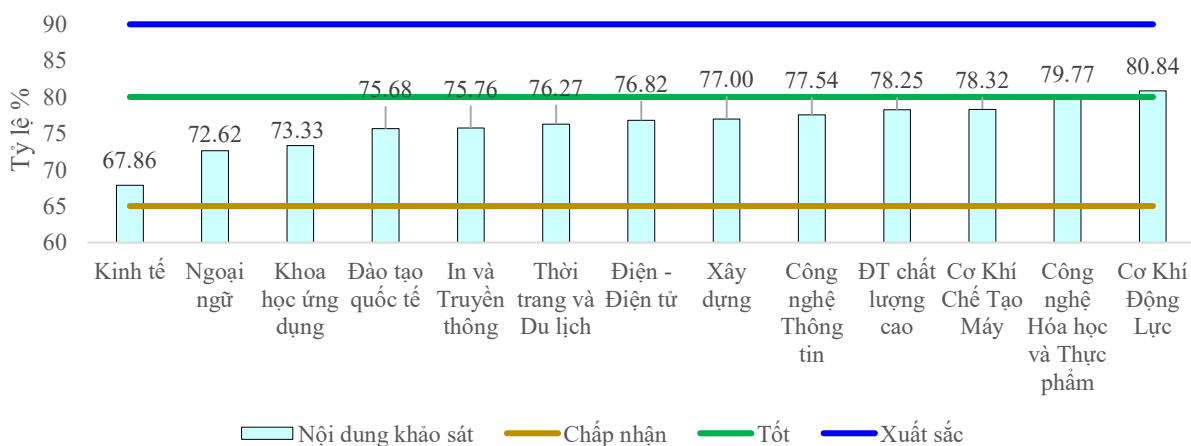
ở **Bảng 2** bên dưới để các đơn vị tìm hiểu rõ lý do, đưa ra các kế hoạch cụ thể, phù hợp với đặc thù của từng đơn vị nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy.

Bảng 2. Thống kê theo đơn vị có GV cần cải tiến trong 3 năm học

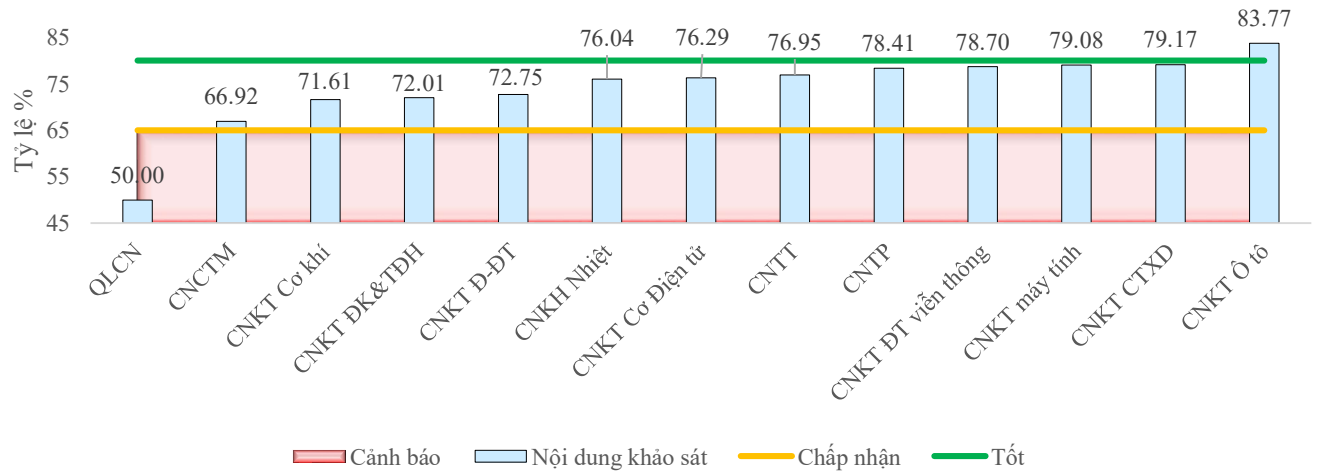
TT	Khoa	Năm học					
		2020-2021		2021-2022		2022-2023	
		HKI	HKII	HKI	HKII	HKI	HKII
1.	K. XD	-	-	2	1	-	4
2.	K. CKM	-	4	2	1	-	3
3.	K. CKĐ	2	1	-	2	-	1
4.	K. In&TT	-	-	1	-	-	1
5.	K. Đ-ĐT	2	4	2	1	-	-
6.	K. ĐTCLC	-	1	1	4	-	-
7.	K. KT	-	-	1	2	-	-
8.	K. TT-DL	-	2	-	2	-	-
9.	K. KHUD	-	-	-	1	-	-
10.	K. Chính trị&Luật	1	-	-	-	-	-
11.	K.ĐTQT	Chưa thành lập			4	-	-

Ghi chú: Các đơn vị không có GV xếp loại “cần cải tiến” sẽ không thống kê trong Bảng 2

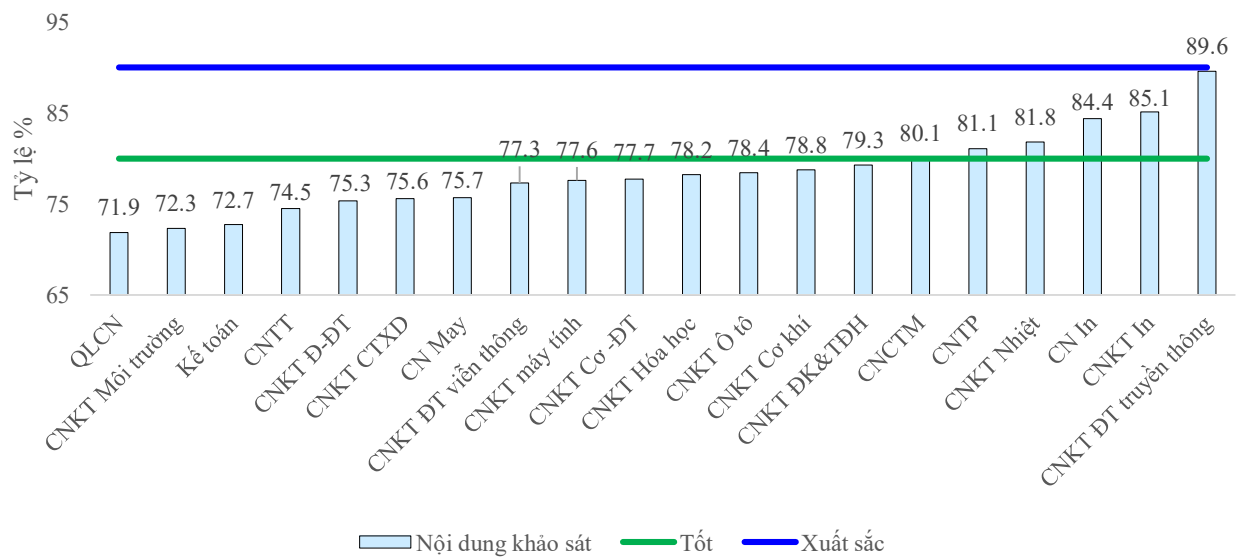
Trong phiếu khảo sát gửi đến SV có câu hỏi liên quan đến sự hài lòng khi được học tập trong các xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập (XTH/PTN/TT), với mong muốn được tìm hiểu về mức độ đáp ứng của trang thiết bị cho các phòng học này P.ĐBCL đã thống kê ở các biểu đồ bên dưới:



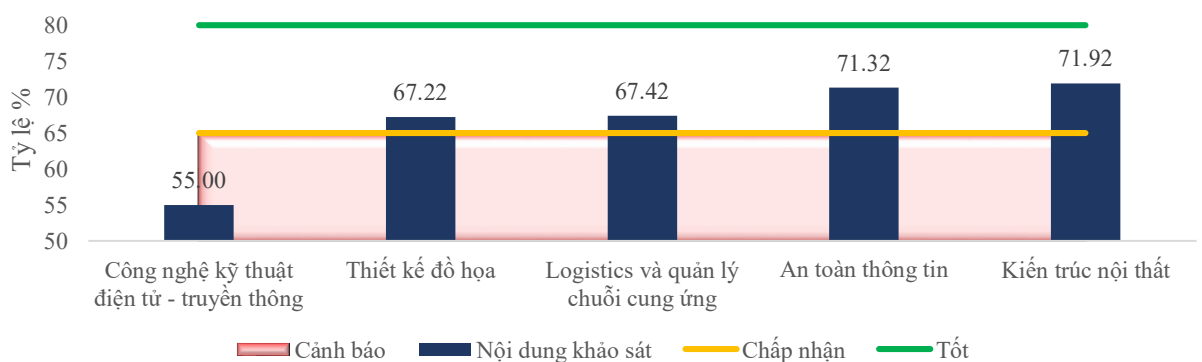
Hình 4. Thống kê sự hài lòng của SV các Khoa về trang thiết bị XTH/PTN/TT



Hình 5. Thống kê sự hài lòng của SV thuộc các ngành của Khoa Đào tạo Quốc tế về trang thiết bị XTH/PTN/TT



Hình 6. Thống kê sự hài lòng của SV thuộc các ngành của Khoa Chất lượng cao về các trang thiết bị xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập

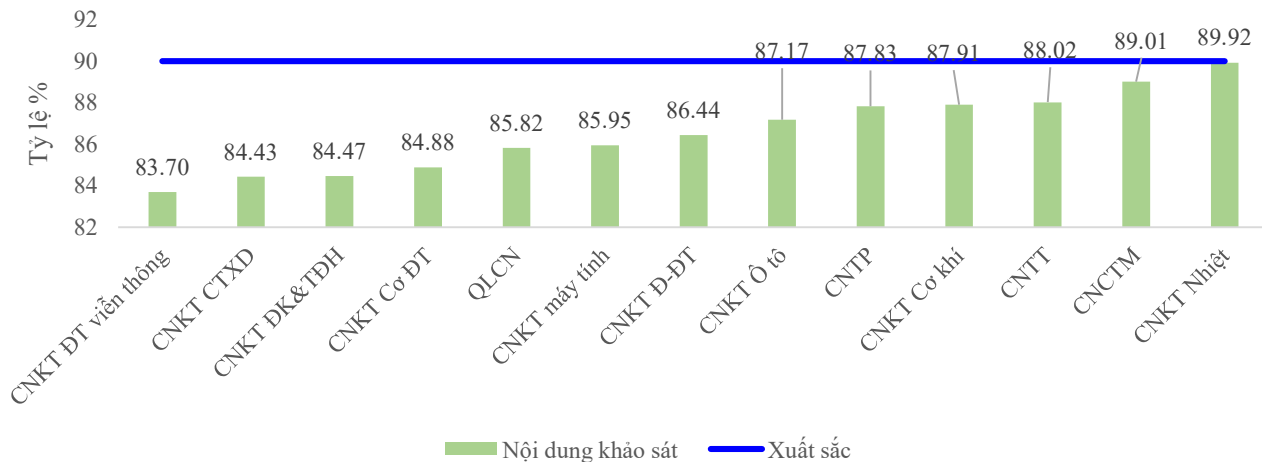


Hình 7. Thống kê 5 ngành học của hệ đại trà có tỷ lệ hài lòng của SV thấp nhất về các trang thiết bị xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập

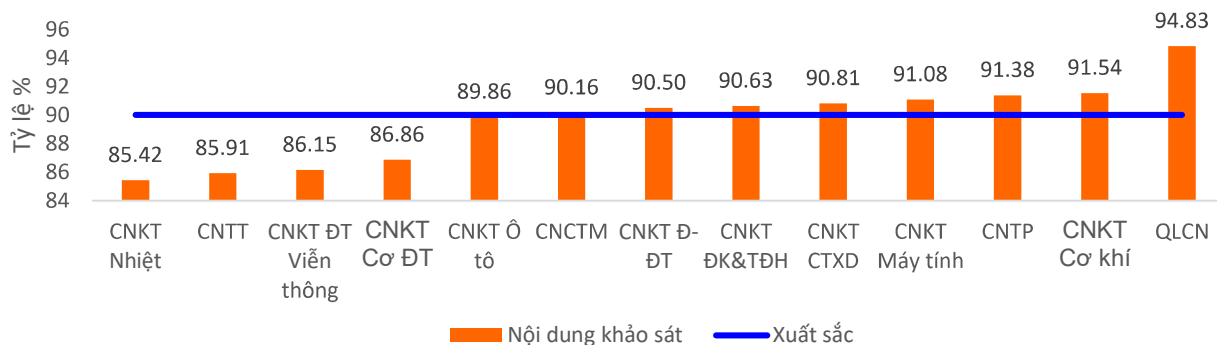
Các biểu đồ thống kê từ **Hình 4** đến **Hình 7** cho thấy các XTH/PTN/TT chưa đáp ứng được kỳ vọng của SV toàn trường. Riêng Khoa CKĐ được đánh giá ở mức tốt. Các Khoa Chất lượng cao và Khoa Đào tạo Quốc tế không trực tiếp quản lý nhà xưởng, thiết bị thực tập tuy nhiên có thể thông qua khảo sát ý kiến của SV để đưa ra đề xuất, phối hợp với các đơn vị để tăng độ hài lòng của Sinh viên. Nhà trường và các Khoa phụ trách chính các XTH/PTN/TT cần quan tâm sâu sắc hơn về nhu cầu của SV và có kế hoạch cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho XTH/PTN/TT theo lộ trình để tạo môi trường dạy và học tốt nhất cho GV - SV.

3. Khảo sát ý kiến SV về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh

Trong HKII năm học 2022-2023 P.ĐBCL tiếp tục hiện khảo sát bằng phiếu tiếng Anh cho các môn học sử dụng tiếng Anh để giảng dạy trong đó việc thống kê kết quả cho câu hỏi **“14. Lecturer uses English effectively to convey knowledge of the subject to students”** nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi truyền đạt kiến thức cho SV để đảm bảo chất lượng cho các ngành học thuộc hệ CLC tiếng Anh.



(a) Khoa Đào tạo Quốc tế



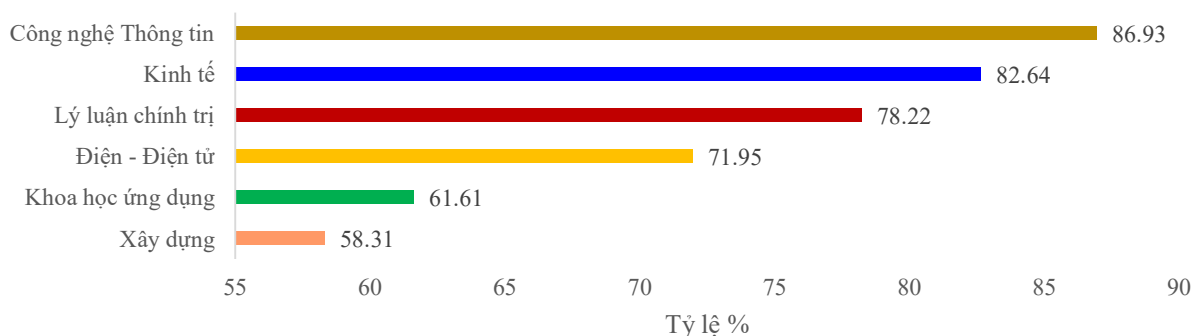
(b) Khoa Đào tạo Chất lượng cao

Hình 8. Thống kê ý kiến sinh viên về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh của các ngành thuộc K.ĐTQT và K.CLC

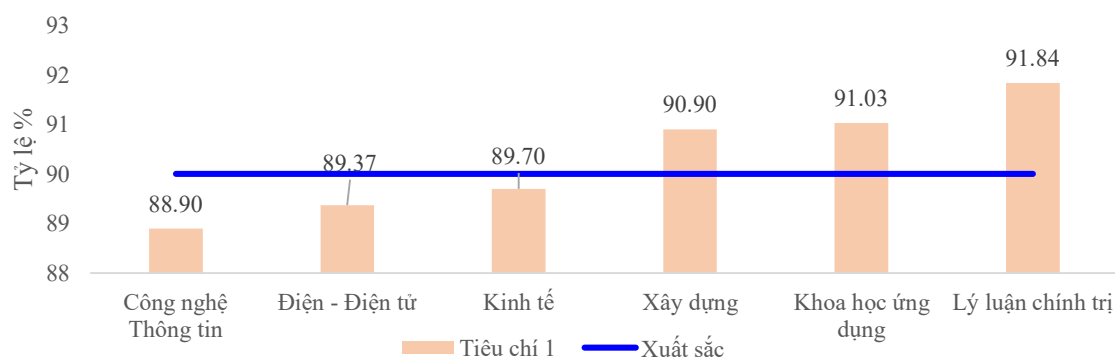
Theo **Hình 8** cho thấy SV rất hài lòng về hiệu quả truyền đạt kiến thức bằng tiếng Anh của GV (tất cả các ngành của Khoa Đào tạo Quốc tế và Khoa Chất lượng cao đều trên 80%) điều này cũng cho thấy trình độ giảng dạy tiếng Anh của GV đáp ứng được cho SV và cần được duy trì trong những năm tiếp theo.

4. Kết quả khảo sát về khóa học MOOCs

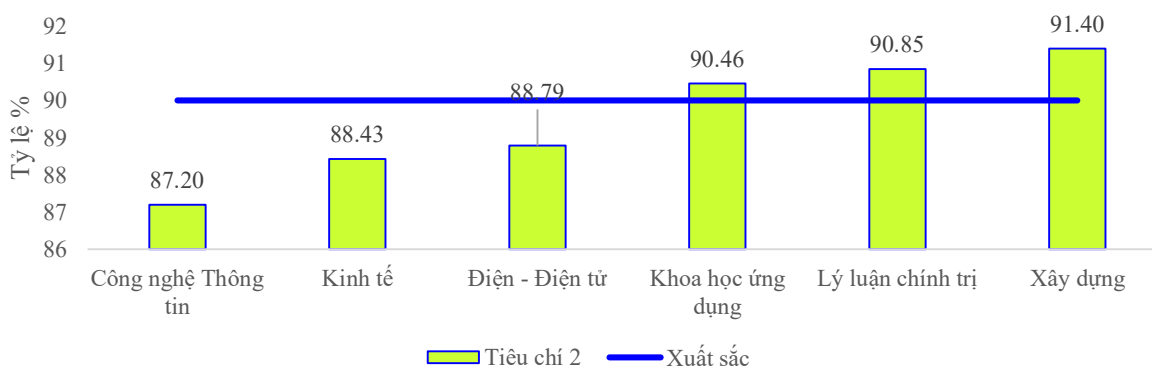
Khảo sát về khóa học MOOCs tiếp tục được thực hiện và kết quả khảo sát trong HKII 2022 – 2023 được thống kê với các nội dung như sau:



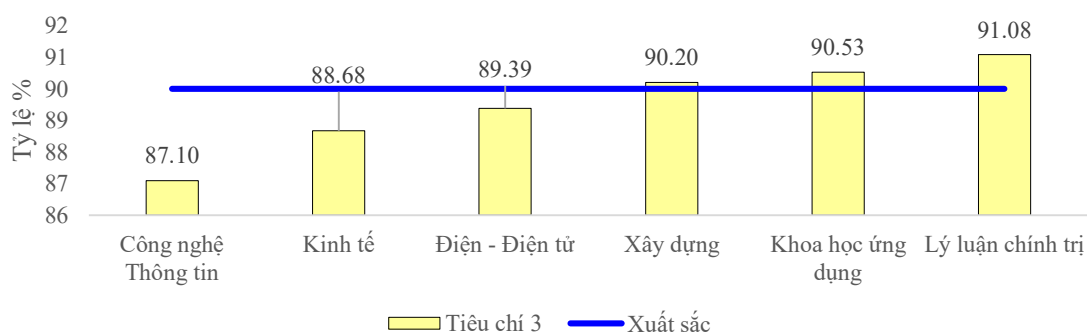
Hình 9: Tỷ lệ tham gia khảo sát của SV tham gia học khóa MOOCs



a) Tiêu chí 1: Thiết kế khóa học

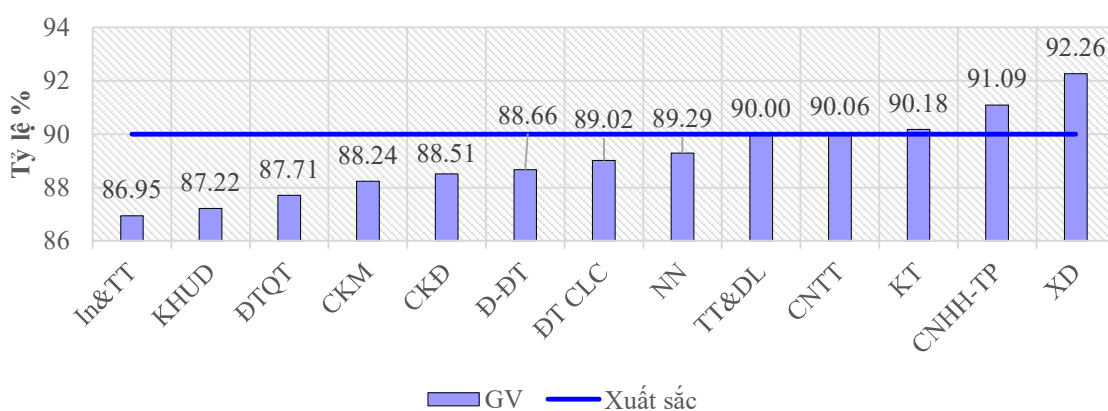


b) Tiêu chí 2: Hiệu quả và tác động của khóa học

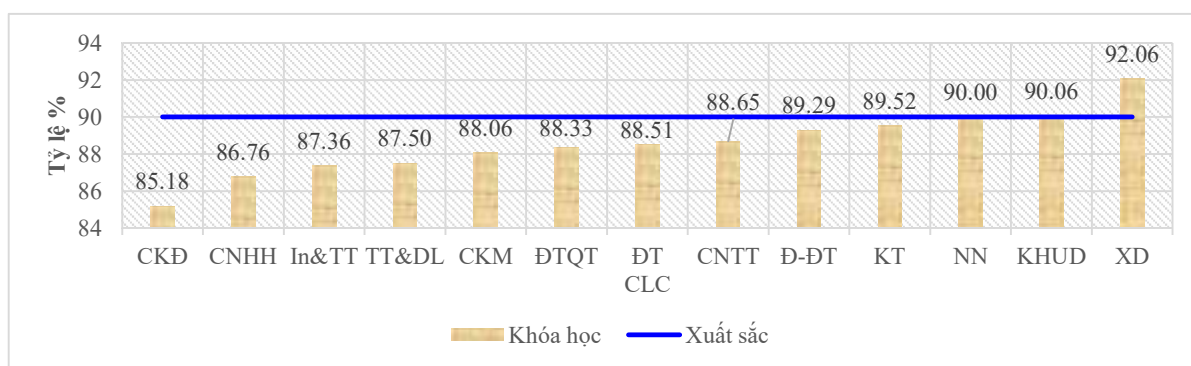


c) Tiêu chí 3: Tương tác người dạy – người học

Hình 10. Thống kê ý kiến SV về 3 tiêu chí liên quan đến chất lượng khóa học của các đơn vị đã có khóa MOOCs được giảng dạy.



Hình 11. Thống kê tỷ lệ SV các Khoa hài lòng về GV giảng dạy khóa MOOCs



Hình 12. Thống kê tỷ lệ SV các Khoa hài lòng về khóa MOOCs

Theo biểu đồ **Hình 10, 11, 12** cho thấy hiện tại tỷ lệ SV hài lòng về khóa học, GV giảng dạy khóa MOOCs đang ở mức cao, các đơn vị cần duy trì chất lượng và tiếp tục mở rộng cho các môn học. Thống kê ở **Bảng 3** cho thấy học kỳ này số khóa học có SV tham gia học tập đang giảm, qua các học kỳ khảo sát chỉ có 7/14 Khoa (không có thêm Khoa khác) có khóa MOOCs được đưa vào giảng dạy, HKII năm học 2022-2023 Khoa CNHH-

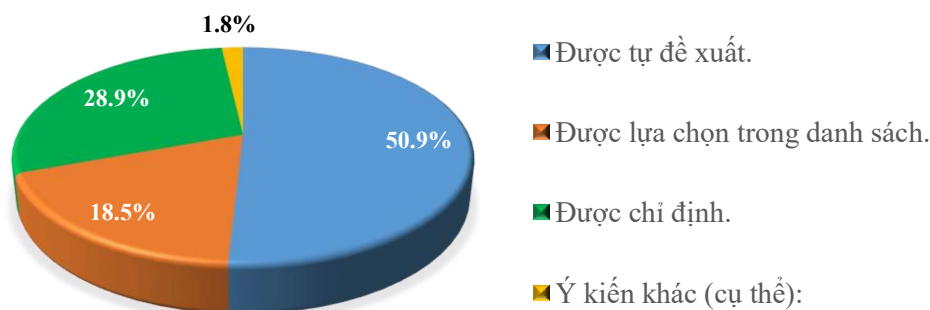
TP không có khóa học MOOCs được sinh viên tham gia học tập, các Khoa chưa có khóa học MOOCs cần xem xét để triển khai công việc này.

Bảng 3. Thống kê số lượng GV và khóa học MOOCs được SV tham gia học tập

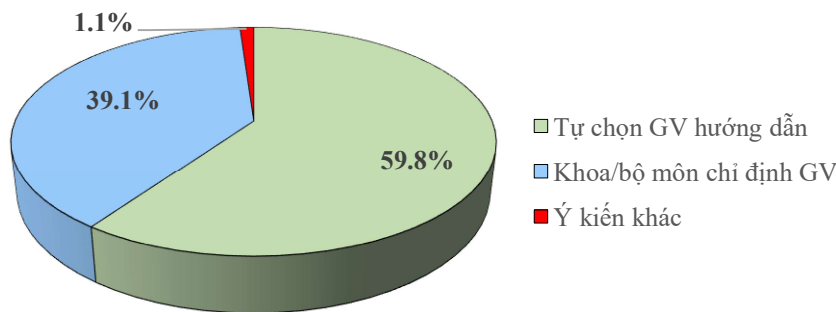
STT	ĐƠN VỊ	HKI 2022-2023		HKII2022-2023	
		GIẢNG VIÊN	KHÓA HỌC	GIẢNG VIÊN	KHÓA HỌC
1	CNTT	4	5	2	2
2	XD	1	2	1	2
3	KT	4	4	4	4
4	LLCT	8	10	8	13
5	KHUD	6	7	6	7
6	Đ-ĐT	10	12	3	7
7	CNHH-TP	1	1	0	0
TỔNG	7	34	41	24	35

5. Kết quả khảo sát đề án/khóa luận tốt nghiệp

Phòng ĐBCL thực hiện khảo sát môn đề án/khóa luận, kết quả khảo sát như sau:



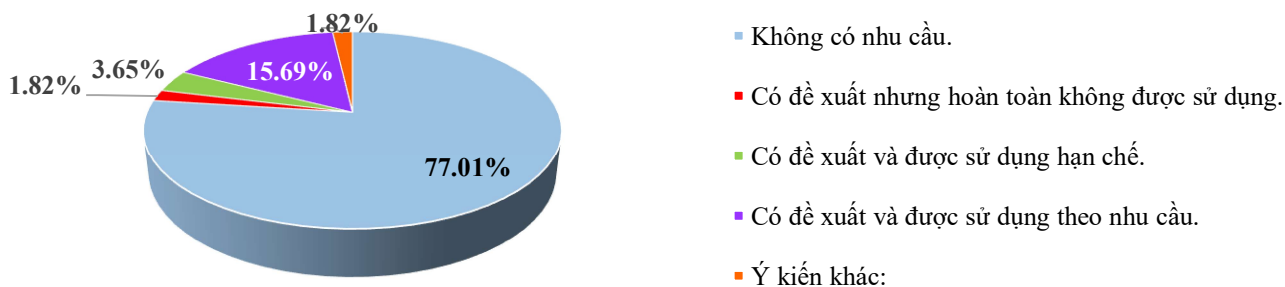
Hình 13. Thống kê hình thức giao đề án/khóa luận tốt nghiệp cho SV



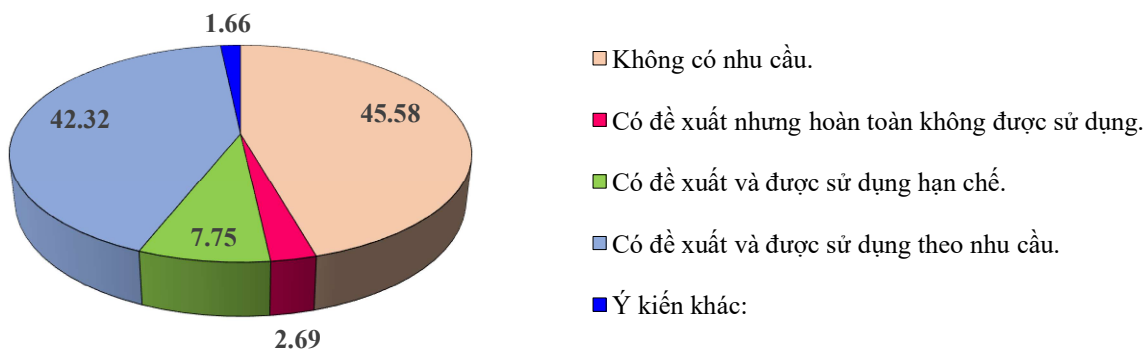
Hình 14. Thống kê hình thức lựa chọn GVHD đề án/khóa luận tốt nghiệp

Hình 13, 14 cho thấy các đơn vị đều đưa ra nhiều hình thức lựa chọn cách giao đề tài và GVHD trong đó hình thức tự đề xuất đề tài tốt nghiệp và tự liên hệ GV hoặc Khoa

lập danh sách các đề tài do GV tự đề xuất được áp dụng nhiều nhất vì có tính chủ động cao, nhiều thuận lợi cho cả GV và SV.



(a) Nhóm ngành Khoa học xã hội nhân văn

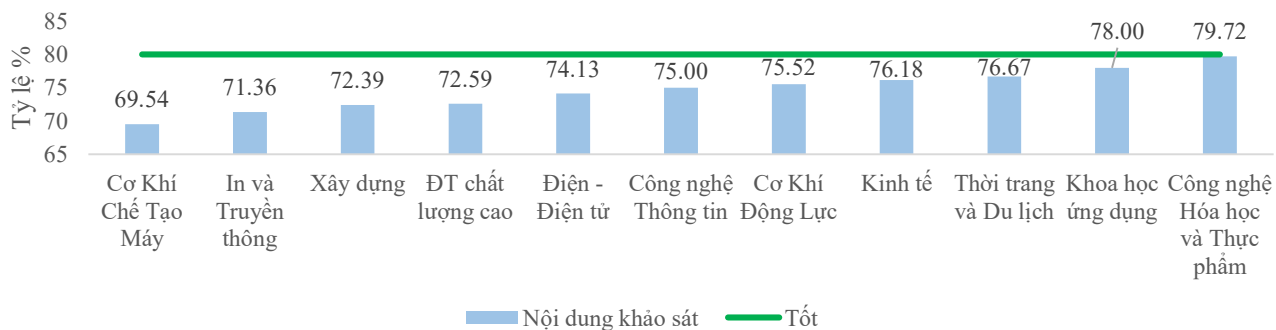


(b) Nhóm ngành Kỹ thuật

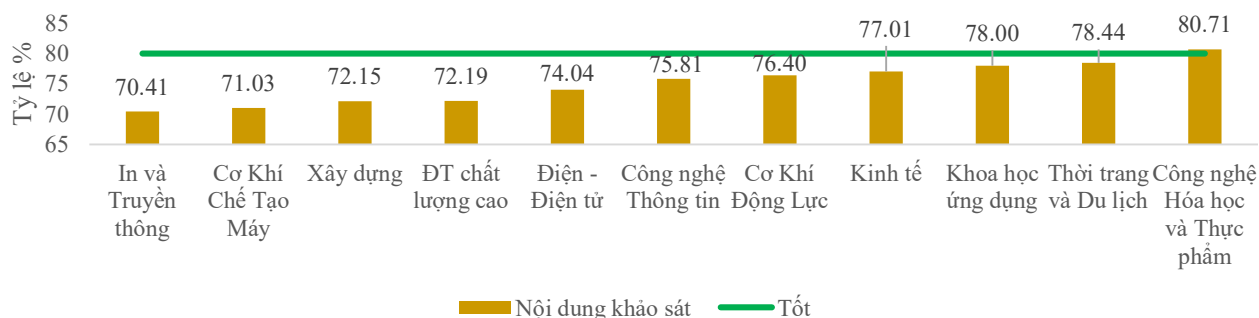
Hình 13. Thống kê tỷ lệ các Khoa/bộ môn tạo điều kiện sử dụng trang thiết bị hỗ trợ làm đồ án/khóa luận tốt nghiệp thuộc nhóm ngành Khoa học xã hội nhân văn và nhóm ngành Kỹ thuật

Ghi chú: Nhóm ngành xã hội nhân văn gồm các ngành thuộc Khoa Kinh tế (Khoa Ngoại ngữ không có sinh viên thực hiện khảo sát này)

Biểu đồ thống kê cho thấy SV các nhóm ngành xã hội nhân văn không có nhu cầu sử dụng các trang thiết bị của Nhà trường (chiếm 77%), ở nhóm ngành kỹ thuật tỷ lệ này là 45,58%, SV lựa chọn phương án đề xuất và được sử dụng theo nhu cầu được lãnh đạo các Khoa/bộ môn tạo điều kiện để SV hoàn thành tốt nhất đồ án/khóa luận tốt nghiệp.

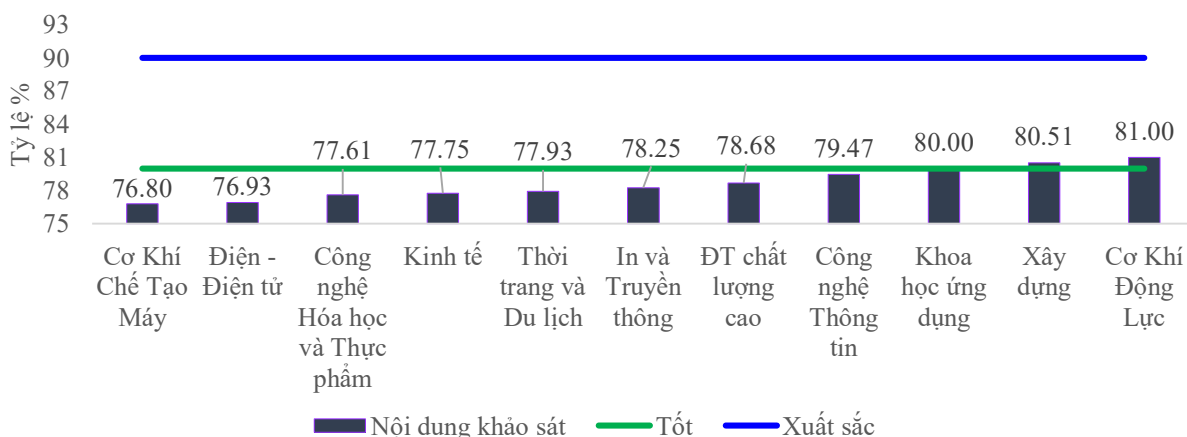


Hình 14. Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn công bố mẫu báo cáo đề án/khóa luận tốt nghiệp rộng rãi đến toàn bộ sinh viên



Hình 15. Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn có quy định rõ ràng khi hướng dẫn đề án/khóa luận tốt nghiệp

Hình 14, 15 cho thấy mức độ hài lòng của SV chỉ ở mức chấp nhận về việc công bố các loại biểu mẫu, các chính sách/quy định có liên quan đến hoạt động hướng dẫn đề án/khóa luận tốt nghiệp. Thống kê cho thấy Khoa Công nghệ Hóa – Thực phẩm được SV đánh giá rất tốt công tác hỗ trợ cho SV khi làm đề án tốt nghiệp.



Hình 16. Thống kê sự hài lòng của SV về GVHD đề án/khóa luận tốt nghiệp

Mức độ hài lòng của SV về GV hướng dẫn đề án/khóa luận tốt nghiệp của các đơn vị trong toàn trường ở mức chấp nhận trong đó các Khoa được SV đánh giá tốt gồm Khoa Cơ khí động lực, Khoa Xây dựng, Khoa Khoa học ứng dụng được thể hiện ở Hình 16.

IV. Kết luận, kiến nghị

Kết quả khảo sát cho thấy SV có tỷ lệ hài lòng về GV giảng dạy các môn lý thuyết, thực hành, MOOCs rất cao. Tuy nhiên ở nội dung hướng dẫn đề án/khóa luận còn thấp và cần các đơn vị tìm hiểu nguyên nhân để có kế hoạch nâng cao chất lượng trong các học kỳ kế tiếp.

Tỷ lệ SV tham gia hoạt động khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV trong HKII/2022-2023 có xu hướng giảm nhẹ so với HKI cụ thể là *tỷ lệ trung bình toàn trường*

đạt 73,74% (tỷ lệ trung bình toàn trường HKI/2022-2023 là 75,17%).

Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị gửi về cho P.ĐBCL tổng hợp tính đến 16h30 ngày 9/7/2023 là 12/16 đơn vị. Theo email P.ĐBCL đã gửi đến các đơn vị vào ngày 9/6/2023 thời hạn gửi lại báo cáo là 16h00 ngày 17/6/2023. Các đơn vị chưa gửi báo cáo gồm: Khoa Chất lượng cao, Khoa Điện – Điện tử, Trung tâm Giáo dục thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, theo P.ĐBCL tổng hợp trên Link trong email gửi ngày 9/6/2023.

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG



PGS.TS. Phạm Huy Tuân

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu phòng ĐBCL;
- Đăng trên website của P. ĐBCL.
- Như trên;